

Số: 3728 /KH-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 8 năm 2018

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" tỉnh Bến Tre đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" ở Việt Nam đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động Quốc gia "Không còn nạn đói" tỉnh Bến Tre đến năm 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, cũng như thực hiện mục tiêu đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân trong tỉnh nhằm góp phần vào mục tiêu chung của cả nước là nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc con người Việt Nam.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm;
- + Giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1.800 Kcal dưới 5%;
- + Tăng mức tiêu thụ rau, củ, quả trung bình đầu người lên 400g/ngày.
- Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi, với các chỉ tiêu như sau:
 - + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 20%;
 - + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 5%;
 - + Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2.500 gam) xuống dưới 8%.
- Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm bền vững: 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất.
- Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 10%.
- Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm.

2. Nội dung thực hiện

a) Nhiệm vụ 1: Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng hợp lý quanh năm, với các nội dung sau:

- Cập nhật, phổ biến nhu cầu về dinh dưỡng hợp lý cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình:

+ Cập nhật và phổ biến các hướng dẫn về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm của mỗi địa phương;

+ Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng hợp lý cho người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Cập nhật và phổ biến hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu;

+ Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, hộ có con dưới 02 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho người dân.

- Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng đảm bảo dinh dưỡng cho người dân:

+ Lập kế hoạch cấp xã xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân;

+ Xây dựng mô hình điểm, mô hình nhân rộng về tổ chức sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo kế hoạch cho hộ gia đình;

+ Thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng ở cấp xã;

+ Tập huấn cho hộ gia đình kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (lập kế hoạch sản xuất, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, phòng trừ dịch bệnh).

- Đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân:

+ Hệ thống theo dõi an ninh lương thực và thông tin cung cầu nông sản được xây dựng và vận hành;

+ Hệ thống dự trữ lương thực thực phẩm được đảm bảo để kịp thời xử lý khi có biến động về an ninh lương thực;

b) Nhiệm vụ 2: Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng hoặc ở mức thấp, với các nội dung sau:

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời):

+ Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch;

+ Cung cấp đủ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi ở trường mầm non;

+ Đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân;

+ Tăng cường kiến thức và kỹ năng tư vấn về nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện.

- Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em:

+ Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun trên toàn quốc bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai;

+ Mở rộng can thiệp phòng chống thiếu máu thiếu sắt, acid folic, kẽm cho phụ nữ tuổi sinh đẻ, có thai và trẻ nhỏ; ưu tiên những vùng sâu, vùng xa, xã bãi ngang ven biển;

+ Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh thông qua cải thiện hệ thống cung ứng.

- Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng:

+ Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm;

+ Xây dựng và thực hiện quy định ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm;

+ Tăng cường tuyên truyền và giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;

+ Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội chi trả các dịch vụ và sản phẩm dinh dưỡng đặc thù;

+ Hoàn thiện hướng dẫn bữa ăn học đường cho trẻ mầm non và áp dụng phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng trong các trường mầm non;

+ Xây dựng hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý và chế độ ăn ca cho người lao động, đặc biệt các ngành nghề có tập trung nhiều lao động nữ.

- Giám sát dinh dưỡng:

+ Thực hiện việc theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ tại cộng đồng thông qua cung ứng và triển khai hoạt động;

+ Bổ sung nội dung giám sát về tiêu thụ thực phẩm và chất lượng dinh dưỡng của khẩu phần, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ em dưới 02 tuổi vào hệ thống giám sát dinh dưỡng toàn quốc;

+ Xây dựng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử;

+ Tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

c) Nhiệm vụ 3: Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, với các nội dung sau:

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm;

- Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu:

+ Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ;

+ Phát triển các mô hình tái chế các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tái sử dụng nước, sử dụng năng lượng tái tạo được khuyến khích bằng chính sách và áp dụng rộng rãi;

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai;

+ Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm;

+ Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai.

- Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững:

+ Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân;

+ Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm;

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm trang bị các kiến thức cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm.

- Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp:

+ Phát triển kinh tế tập thể trong đó nòng cốt là các hợp tác xã thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách: đào tạo, tín dụng, đất đai, hạ tầng, bảo hiểm nông nghiệp;

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp;

+ Tạo cơ chế thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn.

d) Nhiệm vụ 4: Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập, với nội dung sau:

- Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững:

+ Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến);

+ Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: Giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị;

+ Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng chuyên canh nông nghiệp trọng điểm có sự tham gia của cộng đồng;

+ Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông;

+ Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn;

+ Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

đ) Nhiệm vụ 5: Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm, với các nội dung sau:

- Áp dụng khoa học công nghệ nhằm giảm tổn thất và lãng phí lương thực, thực phẩm;

- Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến;

- Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm;

- Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

e) Các hoạt động cụ thể (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

3. Về nguồn lực: Kinh phí thực hiện chương trình được lấy từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo; các chương trình mục tiêu, dự án; nguồn vốn sự nghiệp hàng năm và nguồn hỗ trợ hợp pháp của các tổ chức trong và ngoài nước.

4. Giải pháp thực hiện

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cho người dân, các cấp chính quyền và toàn xã hội hiểu được ý nghĩa đây là chương trình giảm nghèo bền vững;

b) Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nắm được phương pháp, cách làm, đặc biệt với các hộ gia đình là chủ thể thực hiện chương trình này, nhằm tổ chức triển khai hiệu quả chương trình;

c) Nguồn vốn thực hiện

- Ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Nguồn vốn lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác;

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Chương trình;

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(Kinh phí cụ thể thực hiện theo kế hoạch hàng năm)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, cơ quan, ban ngành tỉnh

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Chương trình của các ngành, địa phương có liên quan; tổng hợp tình hình, sơ kết chương trình thí điểm, đề xuất kế hoạch mở rộng với Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tổng hợp các báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện Chương trình hành động “Không còn nạn đói” của tỉnh giai đoạn 2018-2020 theo yêu cầu của cơ quan cấp trên theo quy định;

- Triển khai các cơ chế, chính sách, kế hoạch thực hiện chương trình của các bộ, ngành đã ban hành. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí các nguồn vốn để thực hiện Chương trình;

- Triển khai các cơ chế, chính sách, kế hoạch thực hiện chương trình của các bộ, ngành đã ban hành. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở.

c) Sở Tài chính

Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

d) Sở Y tế

- Lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình của Sở Y tế gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung để gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện chương trình; chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan chỉ đạo các nội dung hoạt động nhiệm vụ số 1 và nhiệm vụ số 2 của Chương trình;

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, các mô hình và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện Chương trình. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả của Chương trình theo chức năng nhiệm vụ của Sở;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình “Không còn nạn đói”;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan huy động nguồn vốn và bố trí nguồn vốn của ngành để tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

e) Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về các nội dung của Chương trình;

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan truyền thông triển khai tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

g) Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người dân theo Chương trình;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

h) Các sở, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội có liên quan: theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp chặt chẽ với các cấp để tổ chức triển khai chương trình đạt hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện và phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đã đề ra trên địa bàn phụ trách;

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Tổ chức đánh giá sơ kết mô hình điểm và nhân rộng mô hình trên địa bàn phụ trách.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” tỉnh Bến Tre đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (thay b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (thay b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP;
- Phòng: TH, KT, KGVX, TCĐT;
- TTĐT;
- Lưu: VT (NTS).

Kèm
phụ
lục

KT. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Lập



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI TỈNH BẾN TRE ĐẾN NĂM 2025

Thực hiện kèm theo Kế hoạch số 3188 /KH-UBND ngày 10 / 8 /2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/Làm mới
	Nội dung					
I	Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm					
Nhiệm vụ	Cập nhật và phổ biến nhu cầu về dinh dưỡng cho các đối tượng					
1.1	độ tuổi của người dân trong hộ gia đình					
1.1.1	Cập nhật và phổ biến các hướng dẫn về lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý và các công cụ đánh giá và giáo dục truyền thông về đảm bảo chế độ ăn lành mạnh và dinh dưỡng hợp lý cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ, theo đặc điểm của mỗi địa phương	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện, Liên đoàn lao động, các đoàn thể xã hội	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
1.1.2	Tuyên truyền hướng dẫn, thực hành dinh dưỡng cho hộ và người dân về tính toán lượng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2020	Làm mới
1.1.3	Cập nhật và phổ biến hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
1.1.4	Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, hộ có con dưới 02 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho người dân	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện

Nhiệm vụ 1.2	Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân					
1.2.1	Lập kế hoạch cấp xã và tổng hợp ở các cấp về xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện	2018 - 2019	Kế hoạch	Làm mới
1.2.2	Xây dựng mô hình điểm, mô hình nhân rộng về tổ chức sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo kế hoạch cho hộ gia đình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện	2018 - 2025	Mô hình	Làm mới
1.2.3	Phổ biến tuyên truyền cho hộ gia đình kiến thức sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng (lập kế hoạch sản xuất, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, phòng trừ dịch bệnh)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch	Làm mới
Nhiệm vụ 1.3	Đảm bảo ổn định lương thực, thực phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của người dân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1.3.1	Hệ thống theo dõi An ninh lương thực và thông tin cung cầu nông sản được xây dựng và vận hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện	2018 - 2020	Chương trình MTQG giảm nghèo đến 2020	Đang thực hiện
1.3.2	Hệ thống dự trữ lương thực thực phẩm được đảm bảo để kịp thời xử lý khi có biến động về an ninh lương thực	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Đang thực hiện
Nội dung II	Suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi không còn là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng					
Nhiệm vụ 2.1	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời)					

2.1.1	Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng triển khai các hoạt động dinh dưỡng và tư vấn về Nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện	Sở Y tế	UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.1.2	Tăng cường truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và bà mẹ nuôi con nhỏ dưới 2 tuổi thông qua truyền thông trực tiếp, truyền thông đại chúng và các chiến dịch.	Sở Y tế	Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên và các cơ quan truyền thông tại địa phương	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện/mở rộng
2.1.3	Đảm bảo cung cấp các dịch vụ y tế và vệ sinh môi trường cho người dân	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép với các CT/Dự án
Nhiệm vụ 2.2	Tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em được cải thiện					Lồng ghép CT đang thực hiện
2.2.1	Duy trì chương trình Vitamin A và tẩy giun trên toàn quốc bao gồm hoạt động cung ứng vật tư và giám sát triển khai	Sở Y tế	Các đơn vị trong ban chỉ đạo PCSDĐTĐ các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.2.2	Mở rộng các can thiệp bổ sung viên sắt folic/đa vi chất cho phụ nữ mang thai và trẻ em, ưu tiên những vùng sâu, vùng xa, xã bãi ngang ven biển	Sở Y tế	Các đơn vị trong ban chỉ đạo PCSDĐTĐ các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện/mở rộng
2.2.3	Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh thông qua công tác truyền thông, thực hiện cung ứng. Hỗ trợ muối I ốt cho những gia đình đặc biệt khó khăn/những gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo	Sở Công thương	Các đơn vị trong ban chỉ đạo PCSDĐTĐ các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2027	Lồng ghép CT đang thực hiện

Nhiệm vụ 2.3	Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng					
2.3.1	Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm	Sở Y tế	Các sở, ngành có liên quan	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.2	Xây dựng và thực hiện quy định ghi nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm	Sở Y tế	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2018 - 2025	Quy định được ban hành và thực thi	Làm mới
2.3.3	Hoàn thiện và tăng cường công tác tuyên truyền, giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, Hội phụ nữ	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.4	Xây dựng chính sách bảo hiểm xã hội chi trả các dịch vụ và sản phẩm dinh dưỡng đặc thù	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.5	Hoàn thiện hướng dẫn bữa ăn học đường cho trẻ mầm non và mở rộng triển khai áp dụng phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng trong các trường mầm non.	Sở Y tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	2018 - 2020	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.6	Xây dựng bộ tiêu chí hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý và chế độ ăn ca cho người lao động, đặc biệt các ngành nghề có tập trung nhiều lao động nữ.	Sở Y tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động tỉnh	2018 - 2020	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.7	Năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng các tuyến được nâng cao	Sở Y tế		2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.8	Chuẩn dịch vụ dinh dưỡng của các tuyến (cơ sở y tế) được xây dựng và thực hiện	Sở Y tế	UBND huyện, Phòng Y tế huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.3.9	Đảm bảo duy trì tốt hệ thống tư vấn viên, cộng tác viên dinh dưỡng	Sở Y tế	UBND huyện, Phòng Y tế huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện

Nhiệm vụ 2.4	Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát và cảnh báo nguy cơ về dinh dưỡng					
2.4.1	Thực hiện việc theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ tại cộng đồng thông qua cung ứng và triển khai hoạt động.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.4.2	Xây dựng và tập huấn hướng dẫn bổ sung nội dung giám sát về tiêu thụ thực phẩm, chất lượng dinh dưỡng của khẩu phần, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi, vào hệ thống giám sát dinh dưỡng toàn quốc.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện/ mở rộng
2.4.3	Xây dựng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện	2018 - 2025	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2025	Lồng ghép CT đang thực hiện
2.4.4	Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm về những nguy cơ và các vấn đề dinh dưỡng phát sinh trong tình huống khẩn cấp		Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện	2018 - 2026	Kế hoạch dinh dưỡng đến 2026	Lồng ghép CT đang thực hiện
Nội dung III	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững					
Nhiệm vụ 3.1	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm					
3.1.1	Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch thích ứng BCKH đến 2020	Đang thực hiện
3.1.2	Phát triển hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu sử dụng tại chỗ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện	2018 - 2020	Chương trình MTQG giảm nghèo đến 2020	Đang thực hiện

3.1.3	Ưu tiên cho các vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội và trợ cấp lương thực, thực phẩm kịp thời khi cần thiết	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2020	Chương trình MTQG giảm nghèo đến 2020	Đang thực hiện
3.1.4	Phát triển các mô hình tái chế các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tái sử dụng nước, sử dụng năng lượng tái tạo được khuyến khích bằng chính sách và áp dụng rộng rãi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch thích ứng BĐKH đến 2020	Đang thực hiện
Nhiệm vụ 3.2	Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai					
3.2.1	Nghiên cứu xác định tác động của thiên tai và các biện pháp phòng chống đối với sản xuất lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường, UBND huyện	2018- 2025	Chiến lược QGPCGN Thiên tai 2007 - 2025	Đang thực hiện
3.2.2	Xây dựng các chương trình đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện	2018 - 2025	Chiến lược QGPCGN Thiên tai 2007 - 2025	Đang thực hiện
Nhiệm vụ 3.3	Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững					
3.3.1	Phát triển hệ thống cung ứng phân phối lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, UBND huyện	2018 - 2020	Đề án	Làm mới
3.3.2	Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành có liên quan, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch, Đề án Liên kết đến 2020	Đang thực hiện

3.3.3	Công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm trang bị các kiến thức tiêu dùng cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Làm mới
Nội dung IV	Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập					
Nhiệm vụ 4.1	Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững					
4.1.1	Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến, ...);	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Đang thực hiện
4.1.2	Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị,...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Đang thực hiện
4.1.3	Phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ sản xuất cho những vùng chuyên canh nông nghiệp trọng điểm có sự tham gia của cộng đồng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Đang thực hiện
4.1.4	Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Đang thực hiện

Nhiệm vụ 4.2	Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp						
4.2.1	Phát triển kinh tế tập thể trong đó nông cốt là các hợp tác xã thông qua việc hoàn thiện cơ chế chính sách: đào tạo, tín dụng, đất đai, hạ tầng, bảo hiểm nông nghiệp,...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Liên minh HTX, UBND huyện	2018 - 2020	Đề án phát triển HTX đến 2020	Đang thực hiện	
4.2.2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương, Liên minh HTX, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch, Đề án Liên kết đến 2020	Đang thực hiện	
4.2.3	Tạo cơ chế để thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện	2018 - 2020	Chính sách TCC NN đến 2020	Làm mới	
4.3	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông						
4.3.1	Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện	
4.3.2	Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch	Đang thực hiện	
Nội dung V	Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm						
Nhiệm vụ 5.1	Áp dụng khoa học công nghệ nhằm tồn thất và lãng phí lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công Thương	2018 - 2020	Kế hoạch về cơ giới hóa và giảm tồn thất sau thu hoạch đến năm 2020	Đang làm	

Nhiệm vụ 5.2	Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, UBND huyện	2018 - 2020	Kế hoạch về cơ giới hóa và giảm tổn thất sau thu hoạch đến năm 2020	Đang làm
Nhiệm vụ 5.3	Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre, UBND huyện, các tổ chức chính trị XH	2018 - 2025	Kế hoạch tuyên truyền	Làm mới
Nhiệm vụ 5.4	Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Công Thương	2018 - 2020	Kế hoạch ATTP đến 2020	Lồng ghép CT đang thực hiện